

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1830/XMST-KHCL

Phủ Thọ, ngày 21 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

Gói mua sắm: Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023
(Ký hiệu: XMST/2022/VBCL)

Kính gửi: - Công ty TNHH STD &P;

- Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ;
- Công ty TNHH thương mại Nam Hải;
- Công ty TNHH MHP Hà Nội;
- Công ty TNHH Phát Nguyên;
- Công ty CP thương mại và công nghệ TST Việt Nam;
- Công ty cổ phần công nghiệp dịch vụ Bắc Nam;
- Công ty TNHH vật tư thiết bị Phúc Nguyên;
- Công ty TNHH Long Hải Hà Nội.

Căn cứ Thư mời chào giá gói mua sắm: Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao và hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp gói mua sắm nêu trên.

Căn cứ Kết quả đánh giá hồ sơ chào giá gói mua sắm: Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023 của các Nhà cung cấp đã được phê duyệt tại Quyết định số 919/QĐ-XMST ngày 20/12/2022 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao trân trọng thông báo kết quả đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp gói mua sắm: Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023 như sau:

I. Đối với Phần 1 Vòng bi NSK/ASAHI;FBJ:

1) Tên nhà cung cấp đề nghị lựa chọn:

+ Phần 1 Vòng bi NSK/ASAHI;FBJ: Công ty trách nhiệm hữu hạn STD&P;

Địa chỉ: 479 Đội Cấn, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

2) Giá trị hàng hóa cung cấp: là: **205.095.240 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm linh năm triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi đồng*)

Bảng giá trị chi tiết

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
Phần 1		Vòng bi NSK/ASAHI;FBJ					
1	Vòng bi 6204-2z	NSK Nhật Bản	Vòng	300	78.000	23.400.000	
2	Vòng bi 6206DDUCM	NSK Nhật Bản	Vòng	50	95.000	4.750.000	
3	Vòng bi 6810-2z	NSK Nhật Bản	Vòng	50	320.000	16.000.000	
4	Vòng bi N309M	NSK Nhật Bản	Vòng	10	1.378.300	13.783.000	
5	Vòng bi UC206	ASHAHI Nhật Bản	Vòng	100	300.000	30.000.000	
6	Vòng bi UC213	ASHAHI Nhật Bản	Vòng	10	940.000	9.400.000	
7	Vòng bi UC315	ASHAHI Nhật Bản	Vòng	5	3.400.000	17.000.000	
8	Vòng bi UCF206	ASHAHI Nhật Bản	Bộ	20	398.000	7.960.000	
9	Vòng bi UCF207	ASHAHI Nhật Bản	Bộ	20	489.000	9.780.000	
10	Vòng bi UCF208	ASHAHI Nhật Bản	Bộ	10	605.000	6.050.000	
11	Vòng bi UCP206	ASHAHI Nhật Bản	Bộ	10	500.000	5.000.000	
12	Vòng bi UCP208	ASHAHI Nhật Bản	Bộ	10	560.000	5.600.000	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
13	Vòng bi UCT208	ASHAHI Nhật Bản	Bộ	10	820.000	8.200.000	
14	Vòng bi UCT210	ASHAHI Nhật Bản	Bộ	10	1.050.000	10.500.000	
15	Vòng bi UK210 + H2310X	ASHAHI;FBJ Nhật Bản	Bộ	8	1.210.000	9.680.000	
16	Vòng bi UKP210 + H2310X	ASHAHI;FBJ Nhật Bản	Bộ	6	1.540.000	9.240.000	
17	Vòng bi UKFC210 + H2310X	ASHAHI;FBJ Nhật Bản	Bộ	2	1.780.000	3.560.000	
Tổng cộng trước thuế							189.903.000
Thuế GTGT: 8%							15.192.240
Tổng cộng sau thuế							205.095.240

Ghi chú: Giá trị hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT 08%, chi phí vận chuyển hàng về kho của Vicem Sông Thao (Giá trị thuế GTGT là tạm tính và được quyết toán theo các Quy định hiện hành tại thời điểm nghiệm thu hàng hóa và xuất hóa đơn GTGT)

3) Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4) Thời gian giao hàng: Trước ngày 10/01/2023:

II. Đối với Phần 2 Vòng bi SKF:

1) Tên nhà cung cấp đề nghị lựa chọn: **Công ty TNHH Phát Nguyên.**

Địa chỉ: Số 73 phố Nguyễn Công Trứ, P. Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

2) Giá trị hàng hóa cung cấp là: **1.074.108.310 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm bảy mươi tư triệu, một trăm linh tám nghìn, ba trăm mười đồng).**

Bảng giá trị chi tiết

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
Phần 2	Vòng bi SKF		SKF				
1	Vòng bi 6040M		SKF	Vòng	1	26.180.100	26.180.100
2	Vòng bi 30216		SKF	Vòng	8	1.735.000	13.880.000
3	Vòng bi 51117		SKF	Vòng	2	1.431.900	2.863.800
4	Vòng bi 51216		SKF	Vòng	2	2.054.900	4.109.800
5	Vòng bi 22216CAW33		SKF	Vòng	6	3.670.000	22.020.000
6	Vòng bi 22216EK + H316		SKF	Bộ	4	5.718.400	22.873.600
7	Vòng bi 22219E		SKF	Vòng	1	5.744.600	5.744.600
8	Vòng bi 22232CC/W33/C3		SKF	Vòng	2	22.747.900	45.495.800
9	Vòng bi 22322-CA		SKF	Vòng	1	18.169.500	18.169.500
10	Vòng bi 23122CC/W33		SKF	Vòng	2	12.096.200	24.192.400
11	Vòng bi 23128-CA		SKF	Vòng	1	16.293.800	16.293.800
12	Vòng bi 32220J		SKF	Vòng	6	4.400.000	26.400.000
13	Vòng bi 6234M/C3		SKF	Vòng	1	27.584.800	27.584.800
14	Vòng bi 7234 C3		SKF	Vòng	1	47.151.000	47.151.000
15	Vòng bi 6316-2Z/C3		SKF	Vòng	5	3.000.000	15.000.000
16	Vòng bi 6317-2ZC3		SKF	Vòng	5	3.200.000	16.000.000
17	Vòng bi 6318-2ZC3		SKF	Vòng	5	3.700.000	18.500.000

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
18	Vòng bi 6319-2Z/C3	SKF	Vòng	5	5.200.000	26.000.000	
19	Vòng bi 6322-ZZ/C3	SKF	Vòng	1	8.586.400	8.586.400	
20	Vòng bi 6324-2Z/C3	SKF	Vòng	2	13.220.700	26.441.400	
21	Vòng bi NU316 ECM/C3	SKF	Vòng	4	9.416.600	37.666.400	
22	Vòng bi NU318 ECM/C3	SKF	Vòng	2	10.500.000	21.000.000	
23	Vòng bi NU2228M	SKF	Vòng	1	30.301.600	30.301.600	
24	Vòng bi N322 C3	SKF	Vòng	1	35.561.600	35.561.600	
25	Vòng bi NJ316	SKF	Vòng	4	8.500.000	34.000.000	
26	Vòng bi 23152 CC/W33	SKF	Vòng	2	102.680.700	205.361.400	
27	Vòng bi 6240 C3	SKF	Vòng	1	54.723.000	54.723.000	
28	Vòng bi NU240ECM/C3	SKF	Vòng	1	53.035.900	53.035.900	
29	Vòng bi 23040 CCK/W33 + H3040	SKF	Bộ	2	45.662.600	91.325.200	
Tổng cộng trước thuế						976.462.100	
Thuế GTGT: 10%						97.646.210	
Tổng cộng sau thuế						1.074.108.310	

Ghi chú: Giá trị hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển hàng về kho của Vicem Sông Thao (Giá trị thuế GTGT là tạm tính và được quyết toán theo các Quy định hiện hành tại thời điểm nghiệm thu hàng hóa và xuất hóa đơn GTGT)

3) Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4) Thời gian giao hàng: các loại từ mục 6-7;13-19;24-25 giao hàng trước ngày 10/01/2023. Các loại từ mục 1-5;8-12;20-23;26-29 giao hàng trước ngày 10/02/2023:

III. Đối với Phần 3 Vòng bi FAG:

1) Tên nhà cung cấp đề nghị lựa chọn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn quốc tế Sao Đỏ.**

Địa chỉ: Số 01 ngõ 71 Láng Hạ, P. Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

2) Giá trị hàng hóa cung cấp là: **499.835.880 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi đồng).**

Bảng giá trị chi tiết

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
Phần 3	Vòng bi FAG		FAG (INA)				
1	Vòng bi 30210		FAG (INA)	Vòng	4	763.000	3.052.000
2	Vòng bi 30309		FAG (INA)	Vòng	2	1.875.000	3.750.000
3	Vòng bi 30310		FAG (INA)	Vòng	2	2.091.000	4.182.000
4	Vòng bi 30615		FAG (INA)	Vòng	2	1.684.000	3.368.000
5	Vòng bi 32207		FAG (INA)	Vòng	2	1.015.000	2.030.000
6	Vòng bi 51101		FAG (INA)	Vòng	2	230.000	460.000
7	Vòng bi 51103		FAG (INA)	Vòng	2	221.000	442.000
8	Vòng bi 51105		FAG (INA)	Vòng	3	240.000	720.000
9	Vòng bi 51106		FAG (INA)	Vòng	2	265.000	530.000
10	Vòng bi 51107		FAG (INA)	Vòng	3	315.000	945.000
11	Vòng bi 51108		FAG (INA)	Vòng	2	389.000	778.000
12	Vòng bi 51115		FAG (INA)	Vòng	2	1.207.000	2.414.000
13	Vòng bi 81105		FAG (INA)	Vòng	3	1.556.000	4.668.000
14	Vòng bi 1218K + H218		FAG (INA)	Vòng	10	2.025.000	20.250.000

III. Đối với Phần 3 Vòng bi FAG:

1) Tên nhà cung cấp đề nghị lựa chọn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn quốc tế Sao Đỏ.**

Địa chỉ: Số 01 ngõ 71 Láng Hạ, P. Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

2) Giá trị hàng hóa cung cấp là: **499.835.880 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi đồng).**

Bảng giá trị chi tiết

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
Phần 3		Vòng bi FAG	FAG (INA)				
1	Vòng bi 30210	FAG (INA)	Vòng	4	763.000	3.052.000	
2	Vòng bi 30309	FAG (INA)	Vòng	2	1.875.000	3.750.000	
3	Vòng bi 30310	FAG (INA)	Vòng	2	2.091.000	4.182.000	
4	Vòng bi 30615	FAG (INA)	Vòng	2	1.684.000	3.368.000	
5	Vòng bi 32207	FAG (INA)	Vòng	2	1.015.000	2.030.000	
6	Vòng bi 51101	FAG (INA)	Vòng	2	230.000	460.000	
7	Vòng bi 51103	FAG (INA)	Vòng	2	221.000	442.000	
8	Vòng bi 51105	FAG (INA)	Vòng	3	240.000	720.000	
9	Vòng bi 51106	FAG (INA)	Vòng	2	265.000	530.000	
10	Vòng bi 51107	FAG (INA)	Vòng	3	315.000	945.000	
11	Vòng bi 51108	FAG (INA)	Vòng	2	389.000	778.000	
12	Vòng bi 51115	FAG (INA)	Vòng	2	1.207.000	2.414.000	
13	Vòng bi 81105	FAG (INA)	Vòng	3	1.556.000	4.668.000	
14	Vòng bi 1218K + H218	FAG (INA)	Vòng	10	2.025.000	20.250.000	

1908
CÔNG TY
HÀNG
ANG
EM
THA
A-T.P.

4

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
15	Vòng bi 22314E	FAG (INA)	Vòng	5	3.754.000	18.770.000	
16	Vòng bi 6207-2ZC3	FAG (INA)	Vòng	200	179.000	35.800.000	
17	Vòng bi 6209-ZZ/C3	FAG (INA)	Vòng	50	260.000	13.000.000	
18	Vòng bi 6210NR	FAG (INA)	Vòng	5	322.000	1.610.000	
19	Vòng bi 6211-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	10	380.000	3.800.000	
20	Vòng bi 6213-2ZC3	FAG (INA)	Vòng	10	634.000	6.340.000	
21	Vòng bi 6307-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	20	250.000	5.000.000	
22	Vòng bi 6309-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	10	450.000	4.500.000	
23	Vòng bi 6310-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	10	615.000	6.150.000	
24	Vòng bi 6312-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	10	925.000	9.250.000	
25	Vòng bi 6313-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	20	2.005.000	40.100.000	
26	Vòng bi 6314-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	10	1.622.000	16.220.000	
27	Vòng bi 30205	FAG (INA)	Vòng	5	707.000	3.535.000	
28	Vòng bi 51202	FAG (INA)	Vòng	5	498.000	2.490.000	
29	Vòng bi 51205	FAG (INA)	Vòng	5	588.000	2.940.000	
30	Vòng bi 51207	FAG (INA)	Vòng	5	727.000	3.635.000	
31	Vòng bi 16005-2z	FAG (INA)	Vòng	10	563.000	5.630.000	
32	Vòng bi 16010-2z	FAG (INA)	Vòng	5	1.045.000	5.225.000	
33	Vòng bi 16011-2z	FAG (INA)	Vòng	5	2.040.000	10.200.000	
34	Vòng bi 32005	FAG (INA)	Vòng	5	687.000	3.435.000	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
35	Vòng bi 6000-2Z	FAG (INA)	Vòng	10	84.000	840.000	
36	Vòng bi 6003-2z	FAG (INA)	Vòng	10	85.000	850.000	
37	Vòng bi 6005-2z	FAG (INA)	Vòng	20	130.000	2.600.000	
38	Vòng bi 6012-2z	FAG (INA)	Vòng	20	290.000	5.800.000	
39	Vòng bi 6016-2z	FAG (INA)	Vòng	20	759.000	15.180.000	
40	Vòng bi 608-2Z	FAG (INA)	Vòng	20	134.000	2.680.000	
41	Vòng bi 6201-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	150	68.000	10.200.000	
42	Vòng bi 6202-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	20	59.000	1.180.000	
43	Vòng bi 6203-2z	FAG (INA)	Vòng	50	75.000	3.750.000	
44	Vòng bi 6204-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	50	86.000	4.300.000	
45	Vòng bi 6206-2Z/C3	FAG (INA)	Vòng	20	115.000	2.300.000	
46	Vòng bi 6303-2z	FAG (INA)	Vòng	20	105.000	2.100.000	
47	Vòng bi 6304-2z	FAG (INA)	Vòng	20	124.000	2.480.000	
48	Vòng bi 6905-2z	FAG (INA)	Vòng	20	210.000	4.200.000	
49	Vòng bi 7210-2z	FAG (INA)	Vòng	5	761.000	3.805.000	
50	Vòng bi NJ217E	FAG (INA)	Vòng	5	6.065.000	30.325.000	
51	Vòng bi NJ2215E	FAG (INA)	Vòng	10	4.648.000	46.480.000	
52	Vòng bi NU1006	FAG (INA)	Vòng	5	2.954.000	14.770.000	
53	Vòng bi NU212EM/3	FAG (INA)	Vòng	5	1.338.000	6.690.000	
54	Vòng bi NU222EM/3	FAG (INA)	Vòng	2	14.755.000	29.510.000	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa đợt 1 năm 2023							
55	Vòng bi NUP2310E	FAG (INA)	Vòng	4	6.888.000	27.552.000	
Tổng cộng trước thuế							462.811.000
Thuế GTGT: 8%							37.024.880
Tổng cộng sau thuế							499.835.880

Ghi chú: Giá trị hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT 08%, chi phí vận chuyển hàng về kho của Vicem Sông Thao (Giá trị thuế GTGT là tạm tính và được quyết toán theo các Quy định hiện hành tại thời điểm nghiệm thu hàng hóa và xuất hóa đơn GTGT)

3) Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4) Thời gian giao hàng: các loại từ mục 16-26;35-47;50;55 giao hàng trước ngày 10/01/2023. Các loại từ mục 1-15;27-34;48-49;51-54 giao hàng trước ngày 10/02/2023:

Trước khi thực hiện 05 ngày, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản (fax, điện thoại) về thời gian thực hiện.

II. Nhà cung cấp không trúng cung cấp:

- Công ty TNHH thương mại Nam Hải:

Lý do: Công ty TNHH thương mại Nam Hải không đáp ứng được thời gian giao hàng trước ngày 10/01/2023 theo yêu cầu của Thư mời chào giá của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao. (Thời gian giao hàng của Công ty TNHH thương mại Nam Hải ghi trong thư chào giá là tháng 01/2023. Ngày 14/12/2022 Vicem Sông Thao đã có công văn số 1781/XMST-KHCL vv đề nghị làm rõ thời gian giao hàng tuy nhiên đến hết hạn làm rõ Công ty TNHH thương mại Nam Hải không trả lời).

- Công ty TNHH MHP Hà Nội:

Lý do: Công ty TNHH MHP Hà Nội có đơn giá trong thư chào giá xếp thứ hai trong các nhà cung cấp tham gia chào giá Phần 1 Vòng bi NSK;ASAHI;FBJ.

- Công ty TNHH Long Hải Hà Nội:

Lý do: Công ty TNHH Long Hải Hà Nội không chứng minh được năng lực tài chính theo yêu cầu của Thư mời chào giá. Ngày 14/12/2022 Vicem Sông Thao đã là công văn số 1784A/XMST-KHCL đề nghị bổ sung tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm gói mua sắm. Tuy nhiên đến ngày 16/12/2022 hết hạn làm rõ Công ty TNHH Long Hải Hà Nội không cung cấp theo yêu cầu làm rõ.

gk

- Công ty CP thương mại và công nghệ TST Việt Nam:

Lý do: Công ty CP thương mại và công nghệ TST Việt Nam không chứng minh được năng lực tài chính theo yêu cầu của Thư mời chào giá. Ngày 14/12/2022 Vicem Sông Thao đã là công văn số 1783A/XMST-KHCL đề nghị bổ sung tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm gói mua sắm. Tuy nhiên đến ngày 16/12/2022 hết hạn làm rõ Công ty CP thương mại và công nghệ TST Việt Nam không cung cấp theo yêu cầu làm rõ.

- Công ty cổ phần công nghiệp dịch vụ Bắc Nam:

Lý do: Công ty cổ phần công nghiệp dịch vụ Bắc Nam không có hợp đồng hàng hóa tương tự, và không chứng minh được năng lực tài chính theo yêu cầu của Thư mời chào giá. Ngày 14/12/2022 Vicem Sông Thao đã là công văn số 1779/XMST-KHCL đề nghị bổ sung tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm gói mua sắm. Tuy nhiên đến ngày 16/12/2022 hết hạn làm rõ Công ty cổ phần công nghiệp dịch vụ Bắc Nam không cung cấp theo yêu cầu làm rõ.

- Công ty TNHH vật tư thiết bị Phúc Nguyên:

Lý do: Công ty TNHH vật tư thiết bị Phúc Nguyên không có hợp đồng hàng hóa tương tự, và không chứng minh được năng lực tài chính theo yêu cầu của Thư mời chào giá. Ngày 14/12/2022 Vicem Sông Thao đã là công văn số 1780/XMST-KHCL đề nghị bổ sung tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm gói mua sắm. Tuy nhiên đến ngày 16/12/2022 hết hạn làm rõ Công ty TNHH vật tư thiết bị Phúc Nguyên không cung cấp theo yêu cầu làm rõ

III. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn:

Đề nghị đơn vị trúng cung cấp khi nhận được thông báo này, liên hệ với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao để hoàn thiện và ký kết hợp đồng kinh tế để triển khai thực hiện.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao xin thông báo để các Nhà cung cấp được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc;
- Các phòng KHCL;
- KT; TCKT;
- Tổ thẩm định;
- Tổ xét giá;
- Lưu: VT

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn